TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 16/4/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**.

2- Ông **Lê Hoàng Vũ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2019/TB-TAH ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Mai Văn L, sinh năm 1972 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. (cả hai đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2018 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Văn L trình bày và yêu cầu như sau:

Trong thời gian năm 2017 và năm 2018, ông có nhiều lần bán gạo, cám cho anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị P để chăn nuôi heo. Trong thời gian năm 2017, vợ chồng anh K, chị P nợ ông số tiền mua gạo, cám là 17.000.000đ. Đến năm 2018, vợ chồng anh K, chị P yêu cầu ông tiếp tục bán gạo, cám cho anh K, chị P. Sau này anh K, chị P sẽ trả luôn số nợ cũ, trong năm 2018 vợ chồng anh K, chị P tiếp tục mua gạo, cám của ông và nợ số tiền là 8.850.000đ. Tổng số tiền nợ trong 02 năm là 25.850.000đ.

Vợ chồng anh K, chị P có hẹn là tới bán heo sẽ trả dứt điểm số tiền nợ này cho ông nhưng đến ngày 14/5/2018 sau khi vợ chồng anh K, chị P bán heo xong nhưng không trả tiền nợ cho ông, ông có đến đòi thì anh K, chị P hẹn 10 ngày sau sẽ trả nhưng sau đó cũng không chịu thực hiện mà hẹn đến khi cắt lúa sẽ trả nhưng sau đó anh K, chị P vẫn không chịu trả số tiền nợ này cho ông.

Sau đó, ông làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì chị P vợ anh K thừa nhận là còn nợ ông số tiền là 25.850.000đ và hẹn là mỗi tháng trả 2.000.000đ nhưng ông không đồng ý, vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P trả cho ông số tiền còn nợ từ việc mua bán gạo, cám là 25.850.000đ.

Đối với bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có chị P đến tham gia hòa giải lần thứ nhất và có ý kiến là đồng ý trả cho ông Lsố tiền nợ 25.850.000đ, mỗi tháng trả 3.000.000đ, còn anh K vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông L.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Mai Văn L giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh K, chị P trả số tiền còn nợ tư việc mua bán gạo, cám là 25.850.000đ.

Bị đơn vợ chồng Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính

của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh K, chị P thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản, các giao dịch này thực hiện từ năm 2017 cho đến năm 2018 nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Mai Văn L yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P trả cho ông số tiền còn nợ từ việc mua bán gạo, cám là 25.850.000đ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời thừa nhận của chị Nguyễn Thị P trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải ngày 30 tháng 10 năm 2018 của ấp V, xã Vcó đủ căn cứ để xác định trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, vợ chồng chồng anh K, chị P có nhiều lần mua gạo, cám của ông Mai Văn L để về chăn nuôi heo đến cuối năm 2018 còn nợ số tiền là 25.850.000đ đến nay chưa trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị P và ông Lthống nhất xác định số tiền nợ nêu trên và thỏa thuận thời gian trả là mỗi tháng trả 3.000.000đ, thời gian bắt đầu trả vào cuối tháng 2 năm 2019 cho đến khi thanh toán nợ xong nhưng việc thỏa thuận này không có mặt của anh K và Tòa án tiền hành mời nhiều lần nhưng anh K không đến tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận này và cho đến thời điểm này thì anh K, chị P cũng không có trả thêm số tiền nào cho ông L.

Từ những chúng cứ và nhận định nêu trên, qua trao đổi thảo luận HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh K, chị P trả số tiền nợ 25.850.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh K, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền án phí anh K và chị P phải chịu là 25.850.000đ x 5% = 1.292.500đ (Một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng)

Ông Mai Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 646.000đ (Sáu trăm bốn mươi sau ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000757 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Mai Văn L đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P về việc mua bán tài sản.

2. Buộc vợ chồng Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P trả cho ông Mai Văn L số tiền còn nợ từ việc mua bán gạo, cám là 25.850.000đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày ông Mai Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh K, chị P không trả hoặc trả không đủ số tiền cho ông L thì anh K, chị P còn phải trả thêm lãi cho ông L theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền nợ còn lại.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí là 1.292.500đ (Một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Ông Mai Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 646.000đ (Sáu trăm bốn mươi sau ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000757 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

4- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn ông Mai Văn L có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/4/2019). Đối với anh Nguyễn Văn K, chị

Nguyễn Thị P vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ Bản án.

4- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh